

Bản án số: 75/2022/HS-ST  
Ngày 12 - 4 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Anh Q**, sinh năm 1982 tại tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Q tịch: Việt Nam; Con ông: A, và bà B; Bị cáo có vợ là: C, sinh năm 1984 và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án: Ngày 16/3/1999, bị tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, trả tự do tại tòa án; Ngày 24/4/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 6 năm tù về tội Cướp tài sản công dân, chấp hành tại trại giam Xuân Lộc, chấp hành xong ngày 8/12/2005; Ngày 28/02/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án tại trại giam Kênh 7 năm 2015; Ngày 28/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án tại Trại tạm giam Sông Cái, chấp hành xong 7/10/2020, bị cáo chưa đóng án phí sơ thẩm số tiền 200.000 đồng;

Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2021, bị cáo có mặt.

**2. Phan Văn Th** (tên gọi khác: T), sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không;

trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông D và bà E; Bị cáo sống chung như vợ chồng với bà F, sinh năm 1984 và có 01 con sinh năm 2013;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 10/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch ra quyết định số 58/2019/QĐ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Đồng Nai thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 10/8/2019; Ngày 10/3/2021 Công an xã V ra quyết định số 18/QĐ-XPHC xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay bị cáo chưa đóng phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 24/6/2021, bị cáo có mặt.

**3. Lê Văn M**, sinh năm 2001 tại tỉnh Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông G và bà H; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đang chấp hành án tại trại giam B5 tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/03/2021 theo Quyết định tạm giữ số 187/QĐ-CSĐT của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch; Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc (C10) – Bộ Công an, bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Quách Văn V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Bé B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Ông V, ông Đ, bà B vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 04 giờ 30 phút ngày 27/02/2021 Nguyễn Anh Q đi bộ đến khu vực của xã V tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi Q đến quán cà phê Y trên đường Q thuộc ấp V, xã V, huyện N thì nhìn thấy một chiếc xe mô tô hiệu honda Vision biển kiểm soát 60C2-523.12 của ông Quách Văn V (sinh năm 1969) ngụ tại Ấp T, xã V, huyện N đang dựng trước quán, trên xe có một chìa khóa đang cắm vào ổ khóa của xe, Q quan sát không có người trông coi liền lên xe nổ máy và chạy thẳng về phòng trọ của Lê Văn M ở ấp 2, xã L, huyện N gửi

chiếc xe. M biết chiếc xe trên do Q trộm được mà có và vẫn đồng ý cho Q gửi, Q mở cốp xe mô tô vừa trộm được có 01 giấy cầm V mang tên tiệm vàng T thuộc xã Đ, huyện N, Q đưa cho M giấy cầm vàng trên và nói M đi bán lấy tiền tiêu xài, M cầm giấy cầm vàng đi gặp Nguyễn Gia B (2004) và đưa B nhờ đi bán giấy cầm vàng, B chở Đặng Thị Kim Ng (sinh năm 2004) ngụ tại xã P, huyện N đến tiệm vàng T để bán, do nghi ngờ giấy cầm vàng trộm mà có nên chủ tiệm vàng T điện báo Công an xã Đ, sau đó B và Ng bị Công an xã Đ đưa về trụ sở làm việc.

Đến 20 giờ 30 phút ngày 27/02/2021 M biết B và Ng đã bị bắt nên M báo cho Q biết, Q dùng xe trộm cắp được chở M lên quận 8 thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 28/2/2021 Q nhờ người tên Tr (chưa rõ nhân thân) bán chiếc xe trên được với giá 16.000.000 đồng, Q và M cùng nhau tiêu xài hết.

Sau đó, Q về nhà, đến ngày 09/6/2021 Q gọi điện thoại cho Phan Văn Th để rủ nhau đi trộm cắp tài sản, Th đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 10/6/2021, Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60C2-590.47 thuộc sở hữu của chị Phan Thị Bé B (sinh năm 1984) ngụ tại ấp B, xã L, huyện N đến nhà Q tại ấp S, xã V chở Q đi tìm tài sản bị sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Th chở Q đi đến trước nhà của ông Lê Văn Đ (sinh năm 1969) ngụ tại tổ 1, Ấp T, xã V, huyện N thì dừng xe lại, Th đứng ngoài canh gác còn Q leo hàng rào vào bên trong thì nhìn thấy có hai chiếc xe, một chiếc xe đạp điện hiệu Martin màu xanh và một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60S8-9064 của ông Đ đang dựng ở bên hông nhà phía trái sân, Q phá khóa cửa cổng rồi vào bên trong sân dẫn chiếc xe đạp điện ra khỏi cổng nhà và cùng Th điều khiển xe chạy về gần nhà Q (tại căn nhà hoang) để cất giấu. Sau khi cất giấu xong chiếc xe đạp điện thì Q cùng Th quay lại căn nhà của ông Đ để tiếp tục trộm cắp tài sản, Th đứng ngoài cổng canh gác, Q đi vào nhà dẫn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60S8-9064 ra khỏi cổng và điều khiển đến nhà của người đàn ông tên T1 (chưa rõ nhân thân) gửi lại, sau đó Th chở Q về nhà, trên đường về nhà Q cho Th chiếc xe đạp điện trộm cắp được, Th bán chiếc xe đạp điện cho người tên Bi (chưa rõ nhân thân) được 2.000.000 đồng, còn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60S8-9064 Q bán cho tên Bi được 4.000.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên Q, Th đã đến Công an xã V đầu thú. Công an xã V lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch xử lý theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ gồm có: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60C2-590.47 của chị Phan Thị Bé B. Do chị B cho Th mượn và không biết Th dùng chiếc xe trên đi trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch đã trả lại cho chị Phan Thị Bé B theo quy định của pháp luật.

\*Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 35/KLĐG-HĐĐG ngày 23/3/2021 của hội đồng định giá huyện Nhơn Trạch kết luận định giá tài sản: 01 xe mô tô nhãn hiệu honda vision biển kiểm soát 60C2-523.12, giá trị sử dụng còn lại 60%. Có giá trị 21.000.000 đồng.

\*Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 96/KLĐG-HĐĐG ngày 29/6/2021 của hội đồng định giá huyện Nhơn Trạch kết luận định giá tài sản: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 60S8-0964, giá trị sử dụng còn lại 20%, có giá trị 3.060.000 đồng. 01 chiếc xe đạp điện hiệu Martin, giá trị sử dụng còn lại 60%, có giá trị 5.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 8.760.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 176/CT-VKS - NT ngày 20/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo: Nguyễn Anh Q về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Phan Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Lê Văn M về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù;

+ Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Văn Th 01 (một) năm 04 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

+ Áp dụng điểm khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án này là, chiếc xe mô tô biển số 60C2-523.12 của ông Quách Văn V; 01 chiếc xe mô tô biển số 60S8-0964 và 01 chiếc xe đạp Đ của ông Lê Văn Đ chưa được thu hồi, đến nay vẫn chưa bồi thường. Đề nghị Tòa án tuyên bị cáo Q bồi thường cho ông V theo quy định. Buộc Q và Th liên đới bồi thường cho ông Đ theo quy định.

- Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Các bị cáo không tranh luận tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo Q tại phiên tòa: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Th tại phiên tòa: Bị cáo đã nhận biết lỗi làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo M tại phiên tòa: Bị cáo đã nhận biết lỗi làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại là ông Lê Văn Đ và ông Quách Văn V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Bé Ba đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên chị B, ông Đ, ông V đã có lời khai tại hồ sơ và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt chị B, ông Đ, ông V.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Q, Th, M (có đủ năng lực trách nhiệm hình sự) đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 04 giờ 30 phút ngày 27/02/2021 tại ấp V, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Anh Q đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu honda Vision biển kiểm soát 60C2-523.12, trị giá 21.000.000 đồng của ông Quách Văn V (sinh năm 1969) ngụ tại Ấp T, xã V, huyện N. Sau khi trộm cắp xong chiếc xe mô tô trên Q đem về phòng trọ của Lê Văn M gửi chiếc xe, M biết rõ chiếc xe trên do Q trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý cho Q gửi. Đến 20 giờ 30 phút ngày 27/02/2021, Q dùng xe trộm cắp được chở M lên quận 8 thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 28/2/2021 Q nhờ một người tên Tr (chưa rõ nhân thân) bán chiếc xe trên được với giá 16.000.000 đồng, Q và M cùng nhau tiêu xài hết.

Ngày 9/6/2021 Nguyễn Anh Q và Phan Văn Th thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 60C2-9064, trị giá 3.060.000 đồng và 01 chiếc xe đạp điện hiệu Martin trị giá 5.700.000 đồng của ông Lê Văn Đ (sinh năm 1969) ngụ tại Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Th bán chiếc xe đạp điện cho người tên Bi (chưa rõ nhân thân) được 2.000.000 đồng, còn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60S8-9064 Q bán cho tên Bi được 4.000.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là: 29.760.000 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

- Bị cáo Nguyễn Anh Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, với tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Bị cáo Phan Văn Th đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Bị cáo Lê Văn M đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mặt khác gây ảnh hưởng xấu về an ninh và trật tự trong xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra nhưng do tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý phạm tội.

Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về vai trò của các bị cáo: Xét vai trò của các bị cáo là đồng phạm giản đơn nên cần đánh giá tính chất mức độ vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Anh Q giữ vai trò chủ mưu, là người đề xướng rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo Th có vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực, cảnh giới cho bị cáo Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo M không bàn bạc, tham gia, giúp sức thực hiện hành vi trộm cắp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo khai việc làm và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Anh Q “phạm tội 02 lần trở lên”. Thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo Phan Văn Th, Lê Văn M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại ông Quách Văn V yêu cầu bị cáo Nguyễn Anh Q bồi thường số tiền 21.000.000 đồng; Bị hại ông Lê Văn Đ yêu cầu các bị cáo Nguyễn Anh Q và Phan Văn Th liên đới bồi thường số tiền 8.760.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Anh Q và Phan Văn Th đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Cụ thể: Bị cáo Q bồi thường cho ông V số tiền 21.000.000 đồng. Các bị cáo Q và Th bồi thường cho ông Lê Văn Đ số tiền 8.760.000 đồng (trong đó bị cáo Th tự nguyện bồi thường 5.700.000 đồng; Bị cáo Q tự nguyện bồi thường 3.060.000 đồng).

Do đó cần buộc các bị cáo Q và Th bồi thường cho các bị hại số tiền như trên.

[9]. Đối với các đối tượng Tr, T1, Bi, T đã có dấu hiệu chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, tuy nhiên chưa có kết quả nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Gia B, Đặng Thị Kim Ng không biết việc M đưa giấy cầm vàng đi bán là do Q trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch không xử lý.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60C2-590.47 của chị Phan Thị Bé B, do chị B cho Th mượn và không biết Th dùng chiếc xe trên đi trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch đã trả lại cho chị Phan Thị Bé B theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 298, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh:

1.1 Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh Q, Phan Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

## 2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2021.

2.2. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phan Văn Th 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2021

2.3. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 01 (một) năm tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 72/2021/HS - ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo Lê Văn M phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 14/3/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh Q bồi thường cho ông Quách Văn V số tiền: 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng);

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh Q bồi thường cho ông Lê Văn Đ số tiền: 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng);

- Buộc bị cáo Phan Văn Th bồi thường cho ông Lê Văn Đ số tiền: 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thi hành về phần tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh Q, Phan Văn Th, Lê Văn M mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Anh Q phải nộp số tiền 1.203.000đồng (một triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc bồi thường thiệt hại.

- Buộc bị cáo Phan Văn Th phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc bồi thường thiệt hại.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Vũ Ngọc Hiệp**